

Nội dung bài viết

1. [Soạn Tiếng Anh 12 Unit 8: Getting started trang 30, 31 Sách mới](#)

### **Unit 8: The world of work**

*Soạn Tiếng Anh 12 Unit 8: Getting started trang 30, 31 Sách mới*

**1. Mai and Nam are talking about their preparations for the world of work. Listen and read.**

*(Mai và Nam đang nói về sự chuẩn bị của họ cho thế giới của công việc. Nghe và đọc.)*

**Nội dung bài nghe:**

**Nam:** Hi, Mai!

**Mai:** Hello, Nam. How are things?

**Nam:** Great, thanks. I found a job advertisement for the position of a waiter in a restaurant. I'm writing my CV to apply for the job.

**Mai:** Can I see it?

**Nam:** You asked to see the job advertisement? Okay, here it is.

**Mai:** Oh, you are applying for this job? But you still go to school, Nam.

**Nam:** Yeah, it's just a part-time job, and I'll only work at the weekend. My father advised me to get some work experience.

**Mai:** Well, my mum thinks working while still at school is a waste of time.

**Nam:** Really?

**Mai:** She told me to focus on my studies. She advised me and my brother not to look for jobs until we have finished university. She also offered to do all the housework for us so that we have more time to study.

**Nam:** I think your mother has her own reasons. I guess she wants you and your brother to be well-prepared for your future jobs.

**Mai:** I think so, too. It's getting more and more difficult to get a good job nowadays.

**Nam:** Yes, employers usually look for qualifications and relevant experience. They also want job applicants to be able to demonstrate their skills and qualities.

**Mai:** Sounds very challenging. How can we do that?

**Nam:** Before we apply for any jobs, we need prepare a good CV and a covering letter carefully. They should include informa about relevant qualifications, experience and skills.

**Mai:** Yes, but will employers have time to each application carefully? So many people are looking for jobs.

**Nam:** You're right. There are usually a lot of seekers applying for one position. Only a of them are shortlisted for an interview.

**Mai:** The job interview is also very important, the best candidate is recruited. Sometimes there are even two or three rounds interviews!

**Nam:** Yes, then new employees have to go through an initial period of probation when employer will assess their performance provide some training. If everything goes they will be confirmed as regular employees.

**Mai:** It seems like hard work getting a job, I think I should start learning how to pr my CV and practising my interview skills.

**Hướng dẫn dịch:**

**Nam:** Xin chào, Mai!

**Mai:** Xin chào, Nam. Làm thế nào là những thứ?

**Nam:** Rất cảm ơn. Tôi tìm thấy một quảng cáo việc làm cho vị trí của một b ả bàn trong một nhà hàng. Tôi đang viết hồ sơ của tôi để xin việc.

**Mai:** Tôi có thể nhìn thấy nó?

**Nam:** Bạn đã yêu cầu xem quảng cáo việc làm? Được rồi, đây là.

**Mai:** Oh, bạn đang xin việc này? Nhưng bạn vẫn đi học, Nam.

**Nam:** Vâng, đó chỉ là công việc bán thời gian, và tôi chỉ làm việc vào cuối tuần. Bởi tôi khuyên tôi nên có một số kinh nghiệm làm việc.

**Mai:** Vâng, mẹ tôi nghĩ rằng làm việc trong khi vẫn ở trường là một sự lãng phí thời gian.

**Nam:** Thật sao?

**Mai:** Cô ấy bảo tôi tập trung vào việc học của mình. Cô ấy khuyên tôi và anh tôi không nên tìm việc cho đến khi chúng tôi học xong đại học. Cô ấy cũng đã đề nghị làm tất cả những việc nhà cho chúng tôi để chúng tôi có thêm thời gian để học tập.

**Nam:** Tôi nghĩ mẹ của bạn có lý do riêng. Tôi đoán cô ấy muốn bạn và anh trai của bạn được chuẩn bị tốt cho công việc trong tương lai của bạn.

**Mai:** Tôi cũng vậy. Ngày càng trở nên khó khăn hơn để có được một công việc tốt.

**Nam:** Có, chủ nhân thường tìm kiếm bằng cấp và kinh nghiệm liên quan. Họ cũng muốn người xin việc để có thể chứng minh được kỹ năng và phẩm chất của họ.

**Mai:** Nghe có vẻ rất thách thức. Làm thế nào chúng ta có thể làm đi ầu đó?

**Nam:** Trước khi chúng tôi xin việc, chúng tôi cần chuẩn bị một CV và một lá thư giới thiệu cẩn thận. Họ nên bao gồm thông tin về các bằng cấp có liên quan, kinh nghiệm và kỹ năng.

**Mai:** Vâng, nhưng các nhà tuyển dụng có thời gian để mỗi ứng dụng một cách cẩn thận? Rất nhiều người đang tìm kiếm việc làm.

**Nam:** Bạn nói đúng. Thông thường có rất nhiều người tìm kiếm xin một vị trí. Chỉ có một người trong số họ được chọn vào cuộc phỏng vấn.

**Mai:** Cuộc phỏng vấn việc làm cũng rất quan trọng, ứng cử viên tốt nhất được tuyển dụng. Có gì đó thậm chí có hai hoặc ba vòng phỏng vấn!

**Nam:** Vâng, sau đó nhân viên mới phải trải qua giai đoạn thử việc ban đầu khi chủ nhân đánh giá hiệu suất của họ cung cấp một số khóa đào tạo. Nếu tất cả mọi thứ đi họ sẽ được xác nhận là thường xuyên nhân viên.

**Mai:** Có vẻ như công việc khó khăn khi kiếm được công việc, tôi nghĩ mình nên bắt đầu học cách lấy CV và thực hành kỹ năng phỏng vấn của mình.

## **2. Read the conversation again. Answer the questions about it.**

*(Đọc cuộc trò chuyện một lần nữa. Trả lời các câu hỏi về nó.)*

**1.** He is writing a CV to apply for a part-time job.

2. Yes, he does. He wants his son to get some work experience.
3. No, she doesn't. She wants her to focus on her studies.
4. They need to include information about their relevant qualifications, experience, and skills.
5. Because it is a period when the employer can assess the employee's performance and provide them with some training.
6. Học sinh tự trả lời.

**3. Complete the text with the correct form of the words from the box.**

*(Hoàn thành văn bản với hình thức đúng của từ trong hộp.)*

1. job seeker    2. job advertisements    3. CV  
4. covering letter    5. job interview

**4. Complete the sentences using the reporting verbs from the conversation.**

*(Hoàn thành câu sử dụng các động từ báo cáo từ cuộc trò chuyện.)*

1. asked    2. advised    3. told    4. advised    5. offered

Bên cạnh đó, các em có thể tham khảo thêm hệ thống bài giải các unit khác trong chương trình tiếng anh lớp 12 được biên soạn đầy đủ tại chuyên trang của chúng tôi.